

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày 03-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiền.

2. Ông Phạm Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Văn P (tên gọi khác: S), sinh năm: 1992 tại tỉnh Bến Tre. Nơi đăng ký thường trú: Ấp BT, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thành H (đã chết) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1972, chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Có hai tiền sự: Ngày 11/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian chấp hành 24 tháng, chấp hành xong ngày 11/02/2019. Ngày 22/5/2020, bị Công an xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính về hành sử dụng trái phép chất ma túy số tiền 750.000 đồng, đã nộp phạt; bị bắt tạm giữ từ ngày 22/9/2020 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Bến Tre; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Châu MD, sinh năm: 1971.

Nơi cư trú: Ấp AT, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin vắng mặt).

2. Chị Phạm Thị G, sinh năm: 1990.

Nơi cư trú: Ấp AT, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- Người làm chứng:

Anh Nguyễn Quốc T (tên gọi khác: Chó Con), sinh năm: 1999.

Nơi cư trú: Ấp AT, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1967.

Nơi cư trú: Ấp PQ, xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

2. Ông Võ Văn D, sinh năm: 1972.

Nơi cư trú: Ấp PQ, xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên vào chiều ngày 19/9/2020 Phạm Văn P điện thoại qua hệ thống Telegram với người phụ nữ tên là Nù (không rõ nhân thân, địa chỉ) để mua một gói ma túy với giá 12.000.000 đồng, mua xong P đem gói ma túy về nhà cất giấu để sử dụng. Đến khoảng 02 giờ ngày 22/9/2020, sau khi sử dụng ma túy xong, P lấy gói ma túy cùng dụng cụ sử dụng ma túy bỏ vào túi vải đem theo về thành phố B để tiếp tục sử dụng. P điện thoại cho Nguyễn Quốc T để thuê Thanh đến bến đò TL chờ P đi thành phố B, Thanh đồng ý. Thanh điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71B3-546.23 lưu thông trên tuyến tránh Quốc lộ BT đến đoạn thuộc ấp PQ, xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre thì bị Tổ tuần tra Công an xã TH, huyện M và Công an huyện M bắt quả tang cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: Một gói nylon hàn kín ba cạnh, cạnh còn lại có rãnh bóp và viên màu trắng bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; một điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro, số IMEI1: 863195044188799; một điện thoại di động hiệu Nokia, model 105, số IMEI1: 357710103211267; bốn đầu khò tự chế; một bật lửa bằng kim loại màu xám; một cây kéo bằng kim loại màu trắng; một cái túi vải màu xám, có nhiều hoa văn màu xanh đen không rõ hình có chữ Miri.

Tại Bản kết luận giám định số 106/2020/GĐMT ngày 24/9/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) gói nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 66,9157 gam. Mẫu vật còn lại sau giám định ký hiệu M1 được niêm phong có khối lượng 65,4006 gam.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSMCN ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre để xét xử đối với bị cáo Phạm Văn P (S) về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan Phạm Thị G giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu Mỹ D giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra và có đơn xin vắng mặt; người làm chứng Nguyễn Quốc T và người chứng kiến Nguyễn Văn S, Võ Văn D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bảo lưu toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn P (S) phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Văn P từ 11 (mười một) đến 12 (mười hai) năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre trả cho bị cáo Phạm Văn P: Một điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro, số IMEI1: 863195044188799; một điện thoại di động hiệu Nokia, model 105, số IMEI1: 357710103211267.

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 65,4006 gam ma túy, loại Methamphetamine (được niêm phong); bốn đầu khò tự chế; một bật lửa bằng kim loại màu xám; một cây kéo bằng kim loại màu trắng; một cái túi vải màu xám, có nhiều hoa văn màu xanh đen không rõ hình có chữ Miri.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và người chứng kiến không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Phạm Văn P thừa nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, đủ cơ sở xác định:

Vào lúc 02 giờ 45 phút ngày 22/9/2020, tại tuyến tránh Quốc lộ BT thuộc ấp PQ, xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre, Phạm Văn P có hành vi tàng trữ 66,9157 gam ma túy, loại Methamphetamine, để sử dụng.

(Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục I, số thứ tự 323 của Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ).

Bản thân bị cáo Phạm Văn P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, bị cáo cất giữ khối lượng lớn ma túy 66,9157 gam (loại Methamphetamine) nhằm mục đích sử dụng đã vi phạm chế độ quản lý của Nhà nước đối với chất độc được gây nghiện. Do đó, hành vi của bị cáo P đã phạm vào “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với đối tượng tên Nù bán ma túy cho bị cáo P do không xác định được nhân thân và nơi cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre không đủ cơ sở xử lý.

Đối với Nguyễn Quốc T là người chở bị cáo P đi thành phố Bến Tre nhưng Thanh không biết bị cáo P tàng trữ trái phép chất ma túy nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

[3] Tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, tinh thần, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội, an ninh quốc gia và là nguyên nhân chính dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Từ đó cho thấy, hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và tạo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được áp dụng đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét thấy, bản thân bị cáo không có thu nhập ổn định, chưa có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với một điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro, số IMEI1: 863195044188799 và một điện thoại di động hiệu Nokia, model 105, số IMEI1: 357710103211267 thuộc sở hữu của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre trả cho bị cáo là phù hợp với Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên ghi nhận.

Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 65,4006 gam ma túy, loại Methamphetamine (được niêm phong) là vật cấm lưu hành; bốn đầu khò tự chế, một bật lửa bằng kim loại màu xám, một cây kéo bằng kim loại màu trắng là những dụng cụ bị cáo dùng vào việc sử dụng ma túy; một cái túi vải màu xám, có nhiều hoa văn màu xanh đen không rõ hình có chữ Miri không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về nghĩa vụ chịu tiền án phí:

Bị cáo Phạm Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Phạm Văn P (S) phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn P (S) 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2020.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 65,4006 gam ma túy, loại Methamphetamine (được niêm phong); bốn đầu khò tự chế; một bật lửa bằng kim loại màu xám; một cây kéo bằng kim loại màu trắng; một cái túi vải màu xám, có nhiều hoa văn màu xanh đen không rõ hình có chữ Miri.

Vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre tạm giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về nghĩa vụ chịu tiền án phí: Căn cứ các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã TT;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Hồng Dân